

Số: 2040/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 14 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán
ngân sách địa phương 9 tháng năm 2022, tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 12 tháng 07 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 6 về dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2022, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1335/QĐ-UBND ngày 25 tháng 07 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022, tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3144/TTr-STC ngày 24 tháng 10 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng năm 2022, tỉnh Bình Phước (theo các biểu và phụ lục kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các cơ quan, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, (Quế-28.10).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền

THUYẾT MINH

**Tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng năm 2022,
tỉnh Bình Phước**

(Kèm theo Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh)

A. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC: 11.378.299 triệu đồng, bằng 85% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 80% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 27% so với cùng kỳ năm trước.

I. Thu nội địa: 10.570.412 triệu đồng, bằng 96% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 81% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 32% so với cùng kỳ năm trước.

1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương: 404.192 triệu đồng, bằng 84% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 81% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 1% so với cùng kỳ năm trước.

2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương: 480.719 triệu đồng, bằng 114% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 87% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 51% so với cùng kỳ năm trước.

3. Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 517.193 triệu đồng, bằng 74% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 61% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 29% so với cùng kỳ năm trước.

4. Thu từ công thương nghiệp ngoài quốc doanh: 1.240.963 triệu đồng, bằng 79% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 71% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 4% so với cùng kỳ năm trước.

5. Thu lệ phí trước bạ: 663.603 triệu đồng, bằng 135% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 102% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 57% so với cùng kỳ năm trước.

6. Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 7.602 triệu đồng, bằng 95% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua, tăng 78% so với cùng kỳ năm trước.

7. Thu thuế thu nhập cá nhân: 1.253.232 triệu đồng, bằng 209% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 138% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 77% so với cùng kỳ năm trước.

8. Thu thuế bảo vệ môi trường: 130.008 triệu đồng, bằng 62% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 76% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 16% so với cùng kỳ năm trước.

9. Thu phí, lệ phí: 112.638 triệu đồng, bằng 84% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước.

10. Thu tiền sử dụng đất: 3.529.119 triệu đồng, bằng 75% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 65% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 28% so với cùng kỳ năm trước.

11. Thu tiền thuê đất: 1.214.382 triệu đồng, bằng 200% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 118% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 249% so với cùng kỳ năm trước.

12. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 72.059 triệu đồng, bằng 116% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 92% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 4% so với cùng kỳ năm trước.

13. Thu xổ số kiến thiết: 696.593 triệu đồng, bằng 85% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 82% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 8% so với cùng kỳ năm trước.

14. Thu khác ngân sách: 236.252 triệu đồng, bằng 113% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua, tăng 77% so với cùng kỳ năm trước.

II. Thu từ Hải quan: 803.332 triệu đồng, bằng 70% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua, giảm 17% so với cùng kỳ năm trước.

B. CÁC KHOẢN THU QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH: 4.555 triệu đồng.

C. CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG: 10.128.157 triệu đồng, bằng 70% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 55% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 3% so với cùng kỳ năm trước.

I. Chi đầu tư phát triển (bao gồm chi quyết toán các công trình năm trước chuyển sang): 5.373.446 triệu đồng. Trong đó, giải ngân từ kế hoạch vốn đầu tư công giao năm 2022 là 3.358.453 triệu đồng, bằng 45,3% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 45% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua.

II. Chi thường xuyên: 4.750.156 triệu đồng, bằng 68% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 54% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

1. Chi sự nghiệp kinh tế: 522.498 triệu đồng, đạt 20% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 23% so với cùng kỳ năm trước.

2. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 1.896.787 triệu đồng, đạt 62% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 60% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 10% so với cùng kỳ năm trước.

3. Chi sự nghiệp y tế: 401.371 triệu đồng, đạt 69% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 15% so với cùng kỳ năm trước.

4. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: 18.689 triệu đồng, đạt 77% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 3% so với cùng kỳ năm trước.

5. Chi sự nghiệp văn hóa - thể thao và du lịch: 95.136 triệu đồng, đạt 60% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 17% so với cùng kỳ năm trước.

6. Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình: 58.268 triệu đồng, đạt 45% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 6% so với cùng kỳ năm trước.

7. Chi đảm bảo xã hội: 361.536 triệu đồng, đạt 96% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 52% so với cùng kỳ năm trước.

8. Chi quản lý hành chính: 1.048.131 triệu đồng, đạt 83% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 28% so với cùng kỳ năm trước.

9. Chi an ninh - quốc phòng: 304.074 triệu đồng, đạt 73% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 8% so với cùng kỳ năm trước.

10. Chi khác ngân sách: 43.666 triệu đồng, đạt 54% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 34% so với cùng kỳ năm trước.

D. CÁC KHOẢN CHI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH: 4.555 triệu đồng.



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 2040 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN		SO SÁNH (%)		
		Bộ Tài chính giao	HĐND tỉnh quyết định	9 tháng năm 2021	9 tháng năm 2022	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán HĐND tỉnh quyết định	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	4/1	4/2	4/3
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	12.180.000	14.250.000	8.983.999	11.378.444	93	80	127
I	Thu cân đối NSNN	12.180.000	14.250.000	8.975.309	11.373.889	93	80	127
1	Thu nội địa	11.030.000	13.100.000	8.007.656	10.570.412	96	81	132
2	Thu từ dầu thô							
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	1.150.000	1.150.000	967.653	803.332	70	70	83
4	Thu kết dư ngân sách				145			
II	Các khoản thu quản lý qua ngân sách			8.690	4.555			
III	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang							
B	TỔNG CHI NSDP	13.316.330	18.488.000	9.824.799	10.128.157	76	55	103
I	Chi cân đối NSDP	13.316.330	18.488.000	9.816.109	10.123.602	76	55	103
1	Chi đầu tư phát triển	6.060.140	7.481.382	4.887.099	5.373.446	89	72	110
2	Chi thường xuyên	6.990.109	8.802.907	4.474.594	4.750.156	68	54	106

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN		SO SÁNH (%)		
		Bộ Tài chính giao	HĐND tỉnh quyết định	9 tháng năm 2021	9 tháng năm 2022	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán HĐND tỉnh quyết định	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	4/1	4/2	4/3
3	Chi trích lập quỹ phát triển đất	-	-	-	-			
4	Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	-	-	-		
5	Chi thực hiện cải cách tiền lương	-	1.490.785	238.219	-			
6	Chi thực hiện tinh giản biên chế theo Quyết định số 999-QĐ/TU	-	-	23.282	-			
7	Chi cho các nhiệm vụ từ nguồn tăng thu cân đối dự toán năm 2019 so với dự toán điều chỉnh năm 2018	-	122.452	93.102	-			
8	Chi đầu tư các dự án CNTT	-	-	-	-			
9	Dự phòng	265.081	589.474	99.813	-	-		
III	Các khoản chi được quản lý qua NSNN			8.690	4.555			
IV	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	-	-					
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP							
D	CHI TRẢ NỢ GỐC							

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Nội dung	DỰ TOÁN		THỰC HIỆN		SO SÁNH (%)		
		Bộ Tài chính giao	HĐND tỉnh quyết định	9 tháng năm 2021	9 tháng năm 2022	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán HĐND tỉnh quyết định	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	4/1	4/2	4/3
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	12.180.000	14.250.000	8.983.999	11.378.299	93	80	127
I	Thu nội địa	11.030.000	13.100.000	8.007.656	10.570.412	96	81	132
1	Thu từ doanh nghiệp Nhà nước TW	480.000	500.000	406.626	404.192	84	81	99
2	Thu từ doanh nghiệp Nhà nước địa phương	420.000	550.000	317.570	480.719	114	87	151
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	700.000	850.000	725.328	517.193	74	61	71
4	Thu từ khu vực công thương nghiệp-ngoài quốc doanh	1.580.000	1.750.000	1.188.650	1.240.963	79	71	104
5	Lệ phí trước bạ	490.000	650.000	423.096	663.603	135	102	157
6	Thuế SD đất phi nông nghiệp	8.000	8.000	4.269	7.602	95	95	178
7	Thuế thu nhập cá nhân	600.000	910.000	707.032	1.253.232	209	138	177
8	Thuế bảo vệ môi trường	210.000	170.000	153.946	130.008	62	76	84
9	Thu phí và lệ phí	134.000	134.000	101.039	112.638	84	84	111
10	Tiền sử dụng đất	4.700.000	5.400.000	2.755.705	3.529.119	75	65	128
11	Thu tiền cho thuê đất	606.000	1.030.000	347.791	1.214.382	200	118	349

STT	Nội dung	Bộ Tài chính giao	HĐND tỉnh quyết định	9 tháng năm 2021	9 tháng năm 2022	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán HĐND tỉnh quyết định	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	4/1	4/2	4/3
12	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	62.000	78.000	75.392	72.059	116	92	96
13	Thu xổ số kiến thiết	820.000	850.000	646.711	696.593	85	82	108
14	Thu khác	210.000	210.000	133.738	236.252	113	113	177
15	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác			156	215			
16	Thu CT, LNST, tiền bán bớt phần vốn NN	10.000	10.000	20.607	11.642			
II	Thu từ Hải quan	1.150.000	1.150.000	967.653	803.332	70	70	83
B	Các khoản thu quản lý qua ngân sách			8.690	4.555			
C	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	10.735.350	11.836.820	7.946.017	10.360.136	97	88	130
1	Từ các khoản thu phân chia	3.703.700	3.867.220	3.355.815	3.860.533	104	100	115
2	Từ các khoản thu NSDP được hưởng 100%	7.031.650	7.969.600	4.590.202	6.499.603	92	82	142

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 2040 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		THỰC HIỆN		SO SÁNH (%)		
		Bộ Tài chính giao	HĐND tỉnh quyết định	9 tháng năm 2021	9 tháng năm 2022	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán HĐND tỉnh quyết định	Cùng kỳ năm trước
A	B	2	3	4	5	5/2	5/3	5/4
	Tổng chi NSDP	14.488.165	18.488.000	9.824.799	10.128.157	70	55	103
A	Chi cân đối NSDP	13.316.330	18.488.000	9.816.109	10.123.602	76	55	103
I	Chi đầu tư phát triển	6.060.140	7.481.382	4.887.099	5.373.446	89	72	110
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung	6.060.140	7.432.782	4.887.099	5.373.446	89	72	110
2	Nguồn hỗ trợ từ TPHCM		30.000				0	
3	Chi đầu tư từ nguồn thu sở xố kiến thiết		18.600					
4	Chi trả nợ vay tín dụng							
II	Chi thường xuyên	6.990.109	8.802.907	4.474.594	4.750.156	68	54	106
1	Chi sự nghiệp kinh tế		2.603.916	674.221	522.498		20	77
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3.051.111	3.166.882	1.721.304	1.896.787	62	60	110
3	Chi sự nghiệp y tế		583.557	471.946	401.371		69	85
4	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	24.378	24.378	18.212	18.689		77	103
5	Chi sự nghiệp văn hoá du lịch và thể thao		158.387	80.994	95.136		60	117
6	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình		130.797	54.912	58.268		45	106

STT	NỘI DUNG	Bộ Tài chính giao	HĐND tỉnh quyết định	9 tháng năm 2021	9 tháng năm 2022	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán HĐND tỉnh quyết định	Cùng kỳ năm trước
A	B	2	3	4	5	5/2	5/3	5/4
7	Chi đảm bảo xã hội		378.529	238.581	361.536		96	152
8	Chi quản lý hành chính		1.257.126	816.450	1.048.131		83	128
9	Chi an ninh quốc phòng địa phương		417.741	331.871	304.074		73	92
10	Chi khác ngân sách		81.594	66.103	43.666		54	66
III	Chi trích lập quỹ phát triển đất		-	-				
IV	Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	-				
V	Chi thực hiện cải cách tiền lương		1.490.785	238.219				-
VI	Chi thực hiện tinh giản biên chế theo Quyết định số 999-QĐ/TU			23.282				
VII	Chi cho các nhiệm vụ từ nguồn tăng thu cân đối		122.452	93.102				-
VIII	Chi đầu tư các dự án CNTT			-				
X	Dự phòng	265.081	589.474	99.813				
B	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW	1.171.835						
C	Các khoản chi quản lý qua ngân sách			8.690	4.555			